

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; trụ sở: 266-268 N, Phường S, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Nguyễn Đăng K, sinh năm 1976; chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T; trụ sở: Thửa đất 1472, tờ bản đồ E3.1, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Nguyễn Đăng Khoa trình bày:

Ngày 15/8/2017, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng S) và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng tín dụng số: LD1722700321 cho Công ty T vay số tiền 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay 40 tháng; mục đích vay bổ sung vốn mua xe; lãi suất 03 tháng đầu 10.5%/năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 4 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.5%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, từ tháng 37 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ trên, Công ty T ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: SJR2DN603849, số máy 5HM2Y4170138, biển số 61C-289.45; Sômi Rômoóc hiệu CIMC do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: 2381F2006005, biển số 61R-024.96; xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: SJR3DN301728, số máy 5HM2Y4157393, biển số 61C-289.46 và Sômi Rômoóc hiệu CIMC do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: 2386H1034434, biển số 61R-024.74. Giấy tờ pháp lý của các tài sản thế chấp do Ngân hàng S giữ. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 15/8/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2017, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T ký kết hợp đồng tín dụng số: LD1729300135 cho công ty T vay số tiền 720.000.000 đồng; thời hạn vay 40 tháng; mục đích vay bổ sung vốn mua xe; lãi suất 03 tháng đầu 10.5%/năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 4 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.5%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, từ tháng 37 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ trên, Công ty T ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 652/TC ngày 20/10/2017, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: SJR2DN603673, số máy: 5HM2Y4163782, biển số 61C-299.12 và Sômi Rômoóc hiệu CIMC do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: 2382F2007292, biển số 61R-026.14. Giấy tờ pháp lý của các tài sản thế chấp do Ngân hàng S giữ. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 20/10/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2018, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T ký kết hợp đồng tín dụng số: LD1820600422 cho công ty T vay số tiền 470.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay bổ sung vốn mua xe; lãi suất 03 tháng đầu 10.7%/năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 4 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.9%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ trên, Công ty T ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 439/TC ngày 26/7/2018, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu KIA do công ty TNHH T đứng tên chủ xe, số khung: RNYYE41A6JC127768, số máy G4FGJH600941, biển số 61A-499.19. Giấy tờ pháp lý của tài sản thế chấp do Ngân hàng S giữ. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 26/7/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện các hợp đồng tín, Ngân hàng S đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền vay 2.690.000.000 đồng thể hiện qua các giấy nhận nợ ngày 15/8/2017, 20/10/2017 và 25/7/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã trả được một phần số tiền tại các hợp đồng ký kết, nên Ngân hàng đã trả lại cho Công ty T bản chính giấy chứng nhận đăng ký của các tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: SJR2DN603849, số máy 5HM2Y4170138, biển số 61C-289.45; Sômi Romóoc hiệu CIMC do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: 2386H1034434, biển số 61R-024.74; xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: SJR2DN603673, số máy: 5HM2Y4163782, biển số 61C-299.12.

Sau đó, Công ty T thực hiện trả nợ không đầy đủ như cam kết. Ngân hàng S đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T vẫn không thực hiện và trốn tránh, cho nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, Công ty T có thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số: LD1722700321 ngày 15/8/2017.

Nay, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 25/9/2020 tổng số tiền 817.360.496 đồng, trong đó: Nợ gốc 756.404.000 đồng; lãi trong hạn: 45.514.436 đồng, lãi quá hạn: 15.442.060 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi Công ty T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp Công ty T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng gồm:

- Sômi Romóoc hiệu CIMC do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: 2381F2006005, biển số 61R-024.96 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017;

- Xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: SJR3DN301728, số máy 5HM2Y4157393, biển số 61C-289.46 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017;

- Sômi Romóoc hiệu CIMC do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: 2382F2007292, biển số 61R-026.14 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 652/TC ngày 20/10/2017;

- Xe ô tô hiệu KIA do Công ty T đứng tên chủ xe, số khung: RNYYE41A6JC127768, số máy G4FGJH600941, biển số 61A-499.19 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 439/TC ngày 26/7/2018.

- Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, giấy triệu tập tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết; địa chỉ của bị đơn tại: Thửa đất 1472, tờ bản đồ E3.1, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia đối chất, tham gia hòa giải vào các ngày 03/8/2020 và 21/8/2020 nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án

không tiến hành đối chất, hòa giải được. Ngày 08/9/2020 và ngày 25/9/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, đồng thời cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả tiền gốc, tiền lãi và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Các hợp đồng tín dụng số: LD1722700321 ngày 15/8/2017; hợp đồng tín dụng số: LD1729300135 ngày 20/10/2017 và hợp đồng tín dụng số: LD1820600422 ngày 25/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng S với Công ty T là đúng thẩm quyền, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo các hợp đồng này, Ngân hàng S đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền 2.690.000.000 đồng được thể hiện qua các giấy nhận nợ ngày 15/8/2017, 20/10/2017 và 25/7/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Cho nên, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 25/9/2020, tổng số tiền 817.360.496 đồng, trong đó: Nợ gốc 756.404.000 đồng; lãi trong hạn: 45.514.436 đồng, lãi quá hạn: 15.442.060 đồng. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Xét các hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 652/TC ngày 20/10/2017 và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 439/TC ngày 26/7/2018 giữa Ngân hàng S và chủ tài sản thế chấp là Công ty T đã được ký kết giữa người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, Công ty T đã dùng tài sản của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, bao gồm: Xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR2DN603849, số máy 5HM2Y4170138, biển số 61C-289.45; Somi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2381F2006005, biển số 61R-024.96; xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR3DN301728, số máy 5HM2Y4157393, biển số 61C-289.46; Somi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2386H1034434, biển số 61R-024.74; xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR2DN603673, số máy: 5HM2Y4163782, biển số 61C-299.12; Somi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2382F2007292, biển số 61R-026.14 và xe ô tô hiệu KIA, số khung: RNYYE41A6JC127768, số máy G4FGJH600941, biển số 61A-499.19.

Trong quá trình thực hiện Công ty T đã thực hiện được một phần của các hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng S đã trả lại cho Công ty T bản chính giấy chứng nhận đăng ký của các tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR2DN603849, số máy 5HM2Y4170138, biển số 61C-289.45; Sômi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2386H1034434, biển số 61R-024.74 và xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR2DN603673, số máy: 5HM2Y4163782, biển số 61C-299.12.

Hiện còn lại các tài sản thế chấp: Sômi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2381F2006005, biển số 61R-024.96 và xe ô tô hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR3DN301728, số máy 5HM2Y4157393, biển số 61C-289.46 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017; Sômi Romóoc hiệu CIMC, số khung: 2382F2007292, biển số 61R-026.14 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 652/TC ngày 20/10/2017 và xe ô tô hiệu KIA, số khung: RNYYE41A6JC127768, số máy G4FGJH600941, biển số 61A-499.19 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 439/TC ngày 26/7/2018. Ngân hàng S yêu cầu phát mãi các tài sản này. Vì vậy, trường hợp Công ty T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp còn lại này để thu hồi nợ.

[5] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi Công ty T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số: LD1722700321 ngày 15/8/2017; hợp đồng tín dụng số: LD1729300135 ngày 20/10/2017 và hợp đồng tín dụng số: LD1820600422 ngày 25/7/2018.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Các Điều 317, Điều 319, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số: LD1722700321 ngày 15/8/2017; hợp đồng tín dụng số: LD1729300135 ngày 20/10/2017 và hợp đồng tín dụng số: LD1820600422 ngày 25/7/2018 tính đến ngày 25/9/2020 với tổng số tiền 817.360.496 (tám trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc 756.404.000 (bảy trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn) đồng; lãi trong hạn: 45.514.436 (bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu) đồng, lãi quá hạn: 15.442.060 (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ, gồm:

- Sômi Rômoóc hiệu CIMC do Công ty trách nhiệm hữu hạn T đứng tên chủ xe, số khung: 2381F2006005, biển số 61R-024.96 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017;

- Xe ô tô hiệu INTERNATIONAL do Công ty trách nhiệm hữu hạn T đứng tên chủ xe, số khung: SJR3DN301728, số máy 5HM2Y4157393, biển số 61C-289.46 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 497/TC ngày 15/8/2017;

- Sômi Rômoóc hiệu CIMC do Công ty trách nhiệm hữu hạn T đứng tên chủ xe, số khung: 2382F2007292, biển số 61R-026.14 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 652/TC ngày 20/10/2017;

- Xe ô tô hiệu KIA do Công ty trách nhiệm hữu hạn T đứng tên chủ xe, số khung: RNYYE41A6JC127768, số máy G4FGJH600941, biển số 61A-499.19 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 439/TC ngày 26/7/2018.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 36.520.815 (ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn tám trăm mười lăm) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 18.455.000 (mười tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040706 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy